

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2026/KDTM-ST
Ngày 26-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng gia công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lước

2. Ông Bò Quốc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 173/2025/TLST-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng gia công, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH M; địa chỉ: Đường C, tổ B, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Duy H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ A, khu phố A, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 05/10/2025). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: Lô J đường N, khu công nghiệp N mở rộng, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2025, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là Công ty M) và Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S) có thoả thuận ký hợp đồng gia công, cụ thể Công ty M gia công và may mặt hàng là áo da bên ngoài của ghế Sofa cho Công ty S, về quy cách mặt hàng vải, thuộc da, số lượng gia công thực hiện theo yêu cầu của Công ty S. Công ty M sẽ giao hàng cho Công ty S vào cuối tháng kèm theo bảng kê chi tiết của mặt hàng, kèm theo đơn giá trên bảng kê mặt hàng. Việc thanh toán hai bên thoả thuận là ngày 10 tây hàng tháng (kể từ ngày 26 của tháng trước đến ngày 25 của tháng sau), sau khi hai bên đối chiếu công nợ, Công ty M sẽ xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty S và Công ty S sẽ thanh toán cho Công ty M trong vòng 15 ngày. Từ ngày 26/6/2025 đến ngày 13/9/2025, Công ty M đã bàn giao đầy đủ hàng hoá gia công cho Công ty S đúng theo chất lượng, số lượng và 03 lần đối chiếu công nợ và đồng thời xuất hai hoá đơn giá trị gia tăng, hoá đơn số 11 ngày 28/7/2025 số tiền 382.758.480 đồng và hoá đơn số 13 ngày 27/8/2025 số tiền 294.429.600 đồng. Ngoài ra, từ ngày 27/8/2025 đến ngày 13/9/2025, Công ty M còn gia công thêm cho Công ty S số lượng hàng hoá tương ứng số tiền 40.893.000 đồng. Tính đến ngày 01/10/2025 Công ty S còn nợ Công ty M tổng số tiền 718.081.080 đồng. Mặc dù, Công ty M đã liên tục nhắc nhở, yêu cầu Công ty S thanh toán tiền nợ nhưng Công ty S không thực hiện.

Việc Công ty S không thanh toán tiền gia công làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty M nên Công ty M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty S phải trả cho Công ty M tổng số tiền còn nợ là 718.081.080 đồng và tiền lãi do chậm trả tính đến ngày 15/01/2026 là 35.904.052 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty S phải trả cho Công ty M là 753.985.132 đồng.

- Đối với bị đơn Công ty TNHH S:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Ngày 05/01/2026, Tòa án triệu tập bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để triệu tập bị đơn làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 19/01/2026 và 26/01/2026 nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.1] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc: Xét lời trình bày của nguyên đơn cùng các chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định, vào năm 2025, Công ty M và Công ty S có thoả thuận về việc gia công. Công ty M đã thực hiện việc gia công các sản phẩm ghê da cho Công ty S, đã xuất hoá đơn với tổng số tiền là 718.081.080 đồng. Sau khi nhận hoá đơn giá trị gia tăng, bị đơn không có ý kiến gì nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Do Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005 nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Xét có cơ sở chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc còn lại là 718.081.080 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với lãi suất 10%/năm. Xét thấy, tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Mức lãi suất như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định. Thời gian chậm thanh toán tính trên từng hoá đơn đến ngày 15/01/2026 với số tiền 35.904.052 đồng. Như đã phân tích ở phần trên, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở chấp nhận. Do đó, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 35.904.052 đồng.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M, buộc Công ty S phải thanh toán cho Công ty M tổng số tiền là 753.985.132 đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí đăng báo: Chi phí đăng thông báo hết số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền trên, đã quyết toán xong.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M đối với bị đơn Công ty TNHH S về việc tranh chấp hợp đồng gia công.

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH M tổng số tiền 753.985.132 đồng (B trăm năm mươi ba triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, một trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí đăng thông báo: Chi phí đăng báo hết số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí nêu trên, đã quyết toán xong.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S phải nộp số tiền 17.079.703 đồng (Mười bảy triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm lẻ ba đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền 16.648.854 đồng (Mười sáu triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi tư đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0044334 ngày 01/12/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết